

BẢNG SỐ 4: BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP HUYỆN GIA VIÊN

A. BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ- THỊ TRẤN ME (Đô thị loại V)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
1	Đường ĐT477	Giáp đất xã Gia Phương	Hết đất thị trấn	4.000	2.400	2.000	
2	Đường ĐT477 mới	Đường vào lò vôi	Ngã 3 rẽ vào Trinh Phú xã Gia Thịnh (hết đường ĐT477 mới)	2.600	1.560	1.300	
3	Đường Tiến Yết	Trạm điện thị trấn	Ngã 3 ông Tương	1.100	660	550	
4	Đường Hồng Dân						
	Đoạn 1 (đường tái định cư)	Đường ĐT477 cũ	Đầu đường ĐT477 mới	4.500	2.700	2.250	
	Đoạn 2 (đường vào khối cơ quan)			3.600	2.160	1.800	
5	Đường vào xã Liên Sơn	Đường ĐT477 cũ	Hết đất thị trấn				
	Đoạn 1	Đường ĐT477 cũ	Giáp công chợ Me	2.400	1.440	1.200	
	Đoạn 2	Giáp công chợ Me	Hết đất thị trấn	1.600	960	800	
6	Đường chuyên dùng của Nhà máy xi măng the Vissai	Đầu đồi Kẽm Chè	Giáp đường ĐT477	720	432	360	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
7	Đường ĐT477c (đường Thống Nhất)	Ngã 3 bưu điện huyện	Hết đất thị trấn (ngã 4 đường ĐT477c)	2.800	1.680	1.400	
8	Đường phía đông bệnh viện	Đường ĐT477 cũ	Đường ĐT477 mới	1.200	720	600	
9	Đường phía tây bệnh viện	Đường ĐT477 cũ	Đường ĐT477 mới	960	576	480	
10	Đường sông Me	Đường ĐT477 cũ	Đường ĐT477 mới	2.200	1.320	1.100	
11	Đường vào Tế Mỹ	Đường ĐT477 cũ	Giáp đất Gia Vượng	960	576	480	
12	Đường vào Trung tâm Giáo dục thường xuyên	Đường ĐT477 cũ	Hết Trung tâm Giáo dục thường xuyên	1.500	900	750	
13	Các đường phố còn lại (phố Mới, phố Me, khu dân cư phố Tiến Yết)			960	576	480	
14	Đường vào bãi khai thác đá	Đầu đường ĐT477 mới	Bãi khai thác đá	780	468	390	
15	Đường phía Bắc chợ Me			1.800	1.080	900	
16	Đường vào đồi Kẽm Chè (đường ĐT477B cũ)	Đường ĐT477 cũ	Hết đất thị trấn				
	Đoạn 1	Đường ĐT477 cũ	Đầu đồi Kẽm Chè	1.500	900	750	
	Đoạn 2	Đầu đồi Kẽm Chè	Hết đất thị trấn	960	576	480	
17	Khu dân cư Đồng Xá			1.500	900	750	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
18	Khu dân cư phố Me			2.200	1.320	1.100	
19	Đường liên thôn khác (xã Gia Vượng cũ)			600	360	300	
20	Khu dân cư sau trường Trung học cơ sở và Tiểu học cơ sở thị trấn Me			1.000	600	500	
21	Phố Thống Nhất			1.200	720	600	
22	Khu dân cư còn lại			600	360	300	

B. BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
Trục đường giao thông chính							
I	Đường 1A						
1	Xã Gia Thanh	Cầu Khuất	Hết đất Gia Thanh	5.500	3.300	2.750	
2	Xã Gia Xuân	Giáp đất Gia Thanh	Hết đất Gia Xuân	5.500	3.300	2.750	
3	Xã Gia Trấn	Giáp đất Gia Xuân	Hết đất Gia Trấn	5.500	3.300	2.750	
II	Đường ĐT 477						
1	Xã Gia Trấn	Bắt đầu của ngã 3 Gián vào đường ĐT477	Hết đất Gia Trấn	5.000	3.000	2.500	
2	Xã Gia Tân	Giáp đất Gia Trấn	Hết đất Gia Tân	4.300	2.580	2.150	
3	Xã Gia Lập						
	Phía Nam đường ĐT477	Giáp đất Gia Tân	Hết đất Gia Lập				
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Tân	Đường vào Lãng Nội	2.200	1.320	1.100	
	Đoạn 2	Đường vào Lãng Nội	Hết đất Gia Lập	2.000	1.200	1.000	
	Phía Bắc đường ĐT 477	Giáp đất Gia Tân	Hết đất Gia Lập				
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Tân	Đường vào Lãng Nội	1.350	810	675	
	Đoạn 2	Đường vào Lãng Nội	Hết đất Gia Lập	1.100	660	550	
4	Xã Gia Vân						

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
	Phía Nam đường ĐT477	Giáp đất Gia Lập	Hết đất Gia Vân				
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Lập	Đường vào đền Vua Đinh	1.650	990	825	
	Đoạn 2	Đường vào đền Vua Đinh	Hết bưu điện xã Gia Vân	2.200	1.320	1.100	
	Đoạn 3	Hết bưu điện xã Gia Vân	Hết đất Gia Vân	1.650	990	825	
	Phía Bắc đường ĐT477	Giáp đất Gia Lập	Hết đất Gia Vân				
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Lập	Đường vào Vân Long	1.000	600	500	
	Đoạn 2	Đường vào Vân Long	Hết đất Gia Vân	900	540	450	
5	Xã Gia Phương	Giáp đất Gia Vân	Hết đất Gia Phương				
	Phía Nam	Giáp đất Gia Vân	Hết đất Gia Phương	1.350	810	675	
	Phía Bắc (Phía kênh)	Giáp đất Gia Vân	Hết đất Gia Phương	1.100	660	550	
6	Xã Gia Thịnh	Giáp đất thị trấn Me	Hết đất Gia Thịnh	1.350	810	675	
7	Xã Gia Phú	Giáp đất Gia Thịnh	Hết đất Gia Phú				
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Thịnh	Đường vào thôn Đồi	1.000	600	500	
	Đoạn 2	Đường vào Thôn Đồi	Đường vào thôn Kinh Trúc	1.100	660	550	
	Đoạn 3	Đường vào thôn Kinh Trúc	Giáp dê Hoàng Long	1.100	660	550	
III	Đường ĐT477 mới						
	Xã Gia Vượng	Giáp đường ĐT477 cũ	Giáp đất thị trấn Me	2.300	1.380	1.150	
IV	Đường ĐT477B						

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
1	Xã Gia Hoà						
	Phía Tây đường						
	Đoạn 1	Dốc Kẽm Chè (Giáp thị trấn Me)	Cầu Thượng	1.000	600	500	
	Đoạn 2	Cầu Thượng	Đê Đầm Cút	700	420	350	
	Đoạn 3	Đê Đầm Cút	Giáp Hòa Bình	550	330	275	
	Phía Đông đường	Cầu Thượng	Đê Đầm Cút	1.000	600	500	
2	Xã Gia Vượng						
	Đường Tiên Yên	Ngã 3 đường ĐT 477	Giáp đất Gia Phương				
	Đoạn 1	Ngã 3 đường ĐT 477	Ngã 3 đi Gia Trung	2.300	1.380	1.150	
	Đoạn 2	Ngã 3 đi Gia Trung	Giáp đất Gia Phương	1.650	990	825	
	Đường Tiên Yên dãy 2,3			700	420	350	
3	Xã Gia Phương						
	Đường Tiên Yên	Giáp đất Gia Vượng	Giáp đất Gia Thắng	1.350	810	675	
4	Xã Gia Thắng						
	Đường Tiên Yên	Giáp đất Gia Phương	Giáp đất Gia Tiên	1.350	810	675	
5	Xã Gia Tiên						
	Đường Tiên Yên	Giáp đất Gia Thắng	Giáp đê Hoàng Long				

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Thắng	Ngã 4 đường rẽ vào UBND xã	1.350	810	675	
	Đoạn 2	Ngã 4 đường rẽ vào UBND xã	Giáp đê Hoàng Long	450	270	225	
	Đoạn 3	Cầu Trường Yên	Đường Tiến Yết cũ	1.350	810	675	
V	Đường ĐT477C (đường Thống Nhất)						
1	Xã Gia Vượng	Giáp đất thị trấn Me	Hết đất Gia Vượng				
	Đoạn 1	Giáp đất thị trấn Me	Hết thôn Trại Đức	3.000	1.800	1.500	
	Đoạn 2	Hết thôn Trại Đức	Hết đất Gia Vượng	1.800	1.080	900	
2	Xã Gia Thịnh	Giáp gia Vượng	Đê Hoàng Long	1.800	1.080	900	
3	Xã Gia Lạc	Giáp đê hữu sông Hoàng Long	Hết đất Gia Lạc	700	420	350	
4	Xã Gia Phong	Giáp đất Gia Lạc	Hết đất Gia Phong	600	360	300	
VI	Đường trục các xã						
1	Xã Gia Thanh						
1.1	Bám đường Đê Đáy	Hết xứ đồng Cửa Lò	Giáp Gia Xuân				
	Đường xung quanh chợ Đò	Dãy 1		1.650	990	825	
		Dãy 2		1.350	810	675	
		Dãy 3		1.000	600	500	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
1.2	Đường trục cầu Chẹm.	Đường chiến lược thôn Thượng Hòa	Đường vào chợ Đò	1.000	600	500	
2	Xã Gia Trấn						
	Đường cầu 30	Đầu đường ĐT477	Đờ sông Hoàng Long				
	Đoạn 1 (phía đông)	Phía đông đầu đường ĐT477	Chùa Đò (hết đất Gia Trấn)	2.500	1.500	1.250	
	Đoạn 2 (phía đông)	Giáp đất xã Gia Tân	Đê sông Hoàng Long	600	360	300	
3	Xã Gia Tân						
	Đường cầu 30	Đầu đường ĐT477	Đê sông Hoàng Long				
	Đoạn 1 (phía tây)	Đầu đường ĐT477	Ngã 3 đường vào thôn Tù Hối	2.400	1.440	1.200	
	Đoạn 2 (phía tây)	Ngã 3 đường vào thôn Tù Hối	Đê sông Hoàng Long	1.100	660	550	
	Phía Đông	Chùa Đò	Hết đất xã Gia Tân	1.100	660	550	
4	Xã Gia Sinh						
4.1	Đường 12c (Đường 491, Anh Trỗi)	Giáp đất Trường Yên (Hoa Lư)	Đến nhà ông Hường (đoạn Cầu Đen-xóm 11)	1.700	1.020	850	
4.2	Đường 38B Tên cũ là Đường 12c (đường 491, Anh Trỗi)	Giáp đất Trường Yên (Hoa Lư)	Hết đất Gia Sinh				

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
	Đoạn 1	Giáp đất Trường Yên	Đường rẽ vào hang Long Ân (đi qua cổng chùa Mới)	1.700	1.020	850	
	Đoạn 2	Đường rẽ vào hang Long Ân (đi qua cổng chùa Mới)	Đường rẽ vào xóm 8	1.350	810	675	
	Đoạn 3	Đường rẽ vào xóm 8	Hết đất Gia Sinh	900	540	450	
4.3	Đường vào UBND xã	Buru điện xã	Ngã 3 ông Hào	1.700	1.020	850	
4.4	Khu tái định cư						
	Dãy 1			1.650	990	825	
	Dãy 2, 3			1.000	600	500	
4.5	Đường tuyến 8 (WB2)	Giáp đường 38B (tên cũ là đường 12C)	Đền Mom (xóm 4) -(tên cũ là đê Đồng Lâm)				
	Đoạn 1	Giáp đường 38B (tên cũ là Đường 12C)	Ngã 3 hàng	1.650	990	825	
	Đoạn 2	Ngã 3 hàng	Ngã 4 ông Phương	1.100	660	550	
	Đoạn 3	Ngã 4 ông Phương	Đền Mom (xóm 4) -(tên cũ là đê Đồng Lâm)	1.650	990	825	
4.6	Đường phân lô xóm 10			1.500	900	750	
4.7	Đường vành hồ	Đền Mom (xóm 4 - đường 38B) -(tên cũ là đường-tuyến 8)	Giáp tuyến 6				

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
	Đoạn 1	Đền Mom (xóm 4 - đường 38B) -(tên cũ là đường tuyến 8)	Bưu điện xã	1.650	990	825	
	Đoạn 2	Giáp đường 38B (tên cũ là đường 12C)	Giáp tuyến 6	800	480	400	
4.8	Đường Vành Nghè						
	Đoạn 1	Nhà ông Ninh	Nhà ông Sinh	1.350	810	675	
	Đoạn 2	Đường 12C	Giáp đường Vành Nghè	1.350	810	675	
4.9	Đường khu vực cửa chùa Giếng Thần						
	Vị trí 1	Cổng chùa cổ	Ngã 3 nhà ông Chinh	1.500	900	750	
	Vị trí 2	Ngã 3 nhà ông Hường	Hết nhà ông Thơ	1.500	900	750	
4.10	Các vị trí còn lại khu vực cửa chùa Giếng Thần			700	420	350	
5	Xã Gia Thắng						
	Đoạn 1	Cổng Đào Lâm	Cổng ông Vọng	300	180	150	
	Đoạn 2	Cổng Quốc Thanh	Trường mầm non	300	180	150	
	Đoạn 3	Cổng Vân La	Ngã 3 ông Thực	300	180	150	
	Đoạn 4	Từ miếu Văn Phú	Đền Nguyễn	300	180	150	
Khu dân cư nông thôn							
I	Xã Gia Thanh						

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
1	Đường vào chùa Dịch Lộ	Cầu Khuất	Trạm bơm Phương				
	Đoạn 1	Cầu Khuất	Chùa Dịch Lộ	800	480	400	
	Đoạn 2	Chùa Dịch Lộ	Trạm bơm Phương	450	270	225	
2	Đường thôn Thượng Hoà	Đầu đường 1A	Đê Đầm Cút				
	Đoạn 1	Đầu đường 1A	Hết khu dân cư	700	420	350	
	Đoạn 2	Hết khu dân cư	Đê Đầm Cút	350	210	175	
3	Đường Xóm Hồng (bám đê)	Trạm bơm Phương Đông	Hết xóm Hồng	350	210	175	
4	Bám Đê Đầm Cút						
	Đoạn 1	Trạm bơm Thượng Hòa	Hết Xóm Ruồm	550	330	275	
	Đoạn 2	Hết Xóm Ruồm	Đồi Cung Sỏi	400	240	200	
5	Đường làng sông Dịch Lộ	Nhà máy gạch xã Gia Thanh	Đền bà Mường thôn Dịch Lộ	450	270	225	
6	Khu dân cư còn lại			280	168	140	
II. Xã Gia Xuân							
1	Đường vào thôn Miếu Giáp (nhà thờ) phía Nam	Đầu đường 1A	Giáp nhà thờ thôn Miếu Giáp	1.100	660	550	
2	Dãy 2 đường vào thôn Miếu Giáp (nhà thờ) phía Nam			700	420	350	
3	Đường vào thôn Miếu Giáp phía Bắc	Đầu đường 1A	Giáp thôn Miếu Giáp	800	480	400	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
4	Đường vào Đồng Xuân	Đầu đường 1A	Hết UBND xã	1.000	600	500	
5	Khu dân cư mới (Vườn Thờ, Cửa Chùa)						
	Dãy 1	Đầu đường UBND xã	Giáp làng Vũ Đại	550	330	275	
	Dãy 2	Đầu đường UBND xã	Giáp làng Vũ Đại	550	330	275	
6	Khu dân cư mới Bái Đền			900	540	450	
7	Đường liên thôn Gia Xuân đi Gia Trấn			1.350	810	675	
8	Khu dân cư còn lại			400	240	200	
III	Xã Gia Trấn						
1	Đường vào làng Cung Quế	Đầu đường 1A	Đình Cung Quế				
	Đoạn 1	Đầu đường 1A	Cầu Vĩnh Thuận (UBND xã)	1.100	660	550	
	Đoạn 2	Cầu Vĩnh Thuận (UBND xã)	Đình Cung Quế	1.100	660	550	
2	Khu dân cư mới	Sau chợ Gián (tên cũ: Giáp trụ sở UBND xã cũ)	Kênh Vĩnh Thuận (tên cũ: Kênh N2)	1.100	660	550	
3	Đường liên thôn Gia Xuân đi Gia Trấn	Giáp đất Gia Trấn	Đê sông Đáy	550	330	275	
4	Vị trí bám sông Hoàng Long	Cầu Gián	Hết đất Gia Trấn	550	330	275	

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
5	Đê Đáy	Cầu Gián	Giáp đất Gia Xuân	330	198	165	
6	Các vị trí bóm đường liên thôn khác còn lại			330	198	165	
7	Khu dân cư còn lại			280	168	140	
IV	Xã Gia Tân						
1	Đường trục xã (vào đến UBND xã)						
	Đoạn 1	Đầu đường ĐT 477	Đường cầu đất	800	480	400	
	Đoạn 2	Đường cầu đất	Ngã 3 UBND xã	450	270	225	
2	Đường ra cảng The Vissai	Ngã 3 nối với đường trục	Cảng The Vissai	450	270	225	
3	Khu nhà ở Thanh Bình			1.500	900	750	
4	Đường WB2	Điểm nối đường 30	Hết đất Gia Tân				
		Điểm nối đường 30	Đầu làng Vân Thị	550	330	275	
		Đầu làng Vân Thị	Hết đất Gia Tân	450	270	225	
5	Dãy 2 bóm đường ĐT477		Giáp đất Gia Trần	Hết đất Gia Tân			
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Trần	Đường ra cảng nhà máy xi măng The Vissai	850	510	425	
	Đoạn 2	Đường ra cảng Nhà máy xi măng The Vissai	Hết đất Gia Tân	450	270	225	
6	Vị trí bên Hữu sông Hoàng Long	Giáp đất Tụ An (Trường Yên)	Hết đất thôn Tân Hối	400	240	200	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
7	Vị trí bám đê Hoàng Long	Giáp đất Gia Trần	Hết đất Gia Tân	330	198	165	
8	Đường vào trạm điện	Đầu đường ĐT477	Giáp làng Thiện Hối	550	330	275	
9	Đường vào làng Tuý Hối	Đầu đường ĐT477	Góc cua đầu tiên (gần nghĩa trang)	550	330	275	
10	Đường phân lũ chậm lũ			440	264	220	
11	Các vị trí bám đường liên thôn còn lại			330	198	165	
12	Khu dân cư còn lại			280	168	140	
V.	Xã Gia Lập						
1	Đường vào Cầu Đài	Đầu đường ĐT477	Hết kho lương thực	700	420	350	
2	Đường đi Sào Long	Đầu đường ĐT477	Hết trạm Y tế xã	980	588	490	
3	Đường vào đền Vua Đinh	Giáp đất Gia Vân (đường ĐT477)	Giáp đất Gia Phương				
	Đoạn 1	Đầu đường ĐT477	Ngã 3 rẽ vào Lãng Ngoại	620	372	310	
	Đoạn 2	Ngã 3 rẽ vào Lãng Ngoại	Giáp đất Gia Phương	450	270	225	
4	Dãy 2 bám đường ĐT477 (phía Nam)	Giáp đất Gia Tân	Hết đất Gia Lập	550	330	275	
5	Khu Dân cư mới Chùa Roi	Chùa Cầu Đài	Giáp trụ sở UBND xã	500	300	250	
	Đường vào Lãng Nội	Đầu đường ĐT477	Đê Đầm Cút				
6	Đoạn 1	Đầu đường ĐT477	200m	1.100	660	550	

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
	Đoạn 2	201m	Giáp đê Đầm Cút	800	480	400	
7	Ven đê Đầm Cút, các vị trí ven đường liên thôn còn lại			450	270	225	
8	Dãy 2 đường vào Lãng Nội	Từ giáp lâu đài ông Dân	Đến đê Đầm Cút	400	240	200	
9	Dãy 2,3 đường đi Sào Long	Đầu đường ĐT477	Hết Trạm y tế xã	400	240	200	
10	Khu dân cư còn lại			280	168	140	
VI. Xã Gia Vân							
1	Đường vào Vân Long (phía Đông)	Đầu đường ĐT477	Giáp đê Đầm Cút				
	Đoạn 1	Đầu đường ĐT477	Cầu vào trường học	1.200	720	600	
	Đoạn 2	Cầu vào trường học	Giáp đê Đầm Cút	1.200	720	600	
2	Đường vào Vân Long (phía Tây qua kênh)	Đầu đường ĐT477	Giáp đê Đầm Cút				
	Đoạn 1	Đầu đường ĐT477	Cầu vào trường học	1.100	660	550	
	Đoạn 2	Cầu vào trường học	Ngã tư vào Trung Hoà	1.700	1.020	850	
	Đoạn 3	Ngã tư vào Trung Hoà	Giáp đê Đầm Cút	1.350	810	675	
3	Dãy 2 vào Vân Long (phía Tây)			400	240	200	
4	Dãy 2 bám đường ĐT477	Giáp đất Gia Lập	Hết đất Gia Vân	450	270	225	
5	Dãy 2 bám đường kênh	Giáp đất Gia Lập	Hết đất Gia Vân	350	210	175	
6	Đường vào đền Vua Đinh	Đầu đường ĐT477	Hết đất Gia Vân	450	270	225	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
7	Đường quanh khu du lịch Vân Long			450	270	225	
8	Các vị trí ven đường liên thôn còn lại			350	210	175	
9	Giáp đê Đầm Cút bám khu du lịch			450	270	225	
10	Khu dân cư còn lại			330	198	165	
VII	Xã Gia Phương						
1	Đường vào đò Kẽm Chè	Đầu đường ĐT477 cũ	Đò Kẽm Chè	350	210	175	
2	Đường vào thôn Hoài Lai	Đầu đường ĐT477	Giáp kênh Thanh Niên	350	210	175	
3	Đường vào thôn Đồi (thôn Phương Hưng)	Đầu đường ĐT477	Thôn Đồi (thôn Phương Hưng)	450	270	225	
4	Đường trục liên thôn	Đầu đường thôn Mã Bùi	Hết đường thôn Vinh Ninh	350	210	175	
5	Đường vào thôn Vĩnh Ninh	Đầu đường Tiến Yết	Ngã 4 đường trục (đầu thôn Vĩnh Ninh)	350	210	175	
6	Đường vào thôn Văn Bồng	Đầu đường Tiến Yết	Ngã 3 đường trục liên thôn	350	210	175	
7	Đường vào thôn Văn Hà	Đầu đường Tiến Yết	Ngã 3 đường trục liên thôn	300	180	150	
8	Đường vào kênh N9	Đầu đường ĐT477	Giáp đường ĐT477B cũ	800	480	400	
9	Khu dân cư còn lại			280	168	140	
VIII	Xã Gia Vượng						
1	Đường đi xã Gia Trung	Ngã 3 đầu đường Tiến Yết	Hết đất Gia Vượng	550	330	275	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
2	Đường đông bệnh viện xã Gia Vượng	Đầu đường ĐT477 cũ	Đường ĐT477 mới	900	540	450	
3	Đường phía Tây kênh Bán Đông	Giáp trụ sở khu hành chính mới của huyện (Tên cũ: Kênh cứng (giáp đất thị trấn Me)	Giáp đất Gia Thịnh	1.100	660	550	
4	Đường vào UBND xã						
	Đoạn 1	Đường ĐT477 mới	Giáp UBND xã	1.100	660	550	
	Đoạn 2	Giáp UBND xã	Kênh giáp đất thị trấn	900	540	450	
	Dãy 2, 3 (đoạn 2)			800	480	400	
5	Khu quy hoạch điểm dân cư ĐT 477 mới (đường 2,3)	Giáp đất Gia Phương	Giáp đất Gia Thịnh	800	480	400	
6	Đường ĐT477B (tên cũ đường cửa ông Rự)	Đường ĐT477 mới	Đầu đường ĐT477 cũ	450	270	225	
7	Vị trí ven đường liên thôn khác			350	210	175	
8	Đường sông Cụt	Từ kênh T2	Giáp đất Gia Thịnh	800	480	400	
9	Khu dân cư còn lại			280	168	140	
IX	Xã Gia Thịnh						
1	Đường trục xã	Đường ĐT477 mới	Cổng Đình	900	540	450	
2	Đường Liên Thôn	Đường ĐT477 mới	Đầu làng Trinh Phú	700	420	350	

105

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
3	Đường phía Tây kênh Bán Đông	Giáp gia Vượng	Thôn Đồng Chừa	700	420	350	
4	Đường Cầu Ngay	Đầu thôn Liên Huy	Đê Hoàng Long	350	210	175	
5	Đường sông Cụt	Kênh T2	Hết sông Cụt	800	480	400	
6	Khu dân cư mới xã Gia Thịnh						
	Đoạn 1 (đường Hồng Dân kéo dài)	Giáp thị trấn Me	Làng Đồng Chừa	1.200	720	600	
	Đoạn 2	Toàn bộ khu dân cư mới còn lại của xã Gia Thịnh		1.000	600	500	
7	Các đường liên thôn còn lại			350	210	175	
8	Khu dân cư còn lại			330	198	165	
X	Xã Gia Trung						
1	Đường trục giao thông xã	Giáp đất Gia Vượng	Giáp đất Gia Tiến				
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Vượng	Đường rẽ vào làng Chấn Hưng	700	420	350	
	Đoạn 2	Đường rẽ vào làng Chấn Hưng	Cổng ông Giáo Chi Phong	1.000	600	500	
	Đoạn 3	Cổng ông Giáo Chi Phong	Nhà thờ họ Giang Sơn	800	480	400	
	Đoạn 4	Nhà thờ họ Giang Sơn	Giáp đê tả Hoàng Long (giáp đất Gia Tiến)	1.100	660	550	
2	Các đường trục thôn						

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
	Thôn Trung Đồng						
	Đoạn 1	Ngã 3 nhà ông Báo	Đoạn ngoặt về Chi Phong	330	198	165	
	Đoạn 2	Nhà ông Mạnh	Cổng Nghệ Chi Phong	400	240	200	
	Thôn Chấn Hưng	Ngã 3 rẽ vào làng Chấn Hưng	Giáp đê tả Hoàng Long	500	300	250	
3	Đường ra nhà thờ họ Giang Sơn (nghĩa trang Diềm Khê)	Nhà ông Trí (Liên)	Nhà thờ họ Giang Sơn	500	300	250	
4	Các trục đường mới quy hoạch khu Đồng Gôi			400	240	200	
5	Khu đường cổng cửa nhà ông Tài đi đê Hoàng Long			400	240	200	
6	Khu Đồng La, Nam Làng Đức Hậu, An Thái			350	210	175	
7	Khu dân cư Nam Diềm Khê (khu chợ cũ)			300	180	150	
8	Khu Tây đình Đức Hậu			350	210	175	
9	Các đường trục thôn còn lại			350	210	175	
10	Khu đê tả sông Hoàng Long			350	210	175	
11	Khu dân cư còn lại			280	168	140	
XI	Xã Gia Tiên						
1	Đường liên xã	Giáp đất Gia Tân	Bưu điện Văn hóa xã				
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Tân	Đầu đường Tiến Yết	550	330	275	
	Đoạn 2	Đầu đường Tiến Yết	Bưu điện văn hóa xã	700	420	350	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
2	Đường Sách Khiếu	Đầu đường Tiến Yết	Giáp dê Hoàng Long				
	Đoạn 1	Đầu đường Tiến Yết	Đầu đường Xuân Lai	550	330	275	
	Đoạn 2	Đầu đường Xuân Lai	Giáp dê Hoàng Long	700	420	350	
3	Bám dê tả Hoàng Long	Giáp Gia Trung	Hết đất Gia Tiến (núi Cẩm Grom)				
	Đoạn 1	Giáp Gia Trung	Đường rẽ thôn Xuân Lai	800	480	400	
	Đoạn 2	Đường rẽ thôn Xuân Lai	Hết đất Gia Tiến (núi Cẩm Grom)	1.100	660	550	
4	Đường Bát Giáp	Đoạn giao nhau với đường Tâm Linh	Trạm y tế xã	1.400	840	700	
5	Đường Tâm Linh	Nhà văn hóa thôn Xuân Lai	Đường Bát Giáp	1.400	840	700	
6	Khu dân cư Ốc Hạ			1.100	660	550	
7	Khu dân cư còn lại			280	168	140	
XII	Xã Gia Thắng						
1	Các trục đường thôn			350	210	175	
2	Khu dân cư còn lại			300	180	150	
XIII	Xã Gia Phú						
1	Đường vào Liên Sơn	Giáp đất thị trấn Me	Giáp đất Liên Sơn	800	480	400	
2	Dãy 2 đường vào Liên Sơn	Giáp đất thị trấn Me	Giáp đất Liên Sơn	400	240	200	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
3	Đường vào thôn Thượng	Đầu đường ĐT477	Giáp đê Hoàng Long	450	270	225	
4	Đường vào Liên Sơn	Đầu đường ĐT477	Giáp đất Liên Sơn	400	240	200	
5	Đường vào thôn Đoan Bình	Đầu đường ĐT477	Thôn Đoan Bình	450	270	225	
6	Đường vào thôn Đồi	Đầu đường ĐT477	Thôn Đồi	450	270	225	
7	Đường vào thôn Đồi	Đầu đường ĐT477 (bưu điện)	Thôn Đồi	450	270	225	
8	Đường vào thôn Kính Trúc	Đường ĐT 477	Thôn Kính Trúc	450	270	225	
9	Dãy 2 bóm đường ĐT477	Giáp đất Gia Thịnh	Giáp đê tả sông Hoàng Long	350	210	175	
		Giáp đất Gia Thịnh	Đầu làng thôn Đồi	300	180	150	
10	Đường Ngô Đồng Đồi đi Ngô Đồng Làng	Cuối thôn Đồi	Giáp thôn Làng	350	210	175	
11	Khu dân cư còn lại			280	168	140	
XIV	Xã Liên Sơn						
1	Đường 5 xã	Giáp đất Gia Phú	Hết đất Liên Sơn				
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Phú	Ngã 3 sông Cù	550	330	275	
	Đoạn 2	Ngã 3 sông Cù	Hết đất Liên Sơn	280	168	140	
2	Đường vào UBND xã cũ	Ngã 3 sông Cù	UBND xã cũ (Thay bằng cầu xóm 7)	450	270	225	
3	Ven đê Đầm Cút			350	210	175	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
4	Các đường trục	Từ giáp đất Gia Phú	Hết đất Liên Sơn	300	180	150	
		Từ đê Hoàng Long	Hết đất Liên Sơn	300	180	150	
		Từ nhà máy nước	Đến cầu xóm 11	300	180	150	
5	Các vị trí ven đường liên thôn còn lại			280	168	140	
6	Khu dân cư còn lại			280	168	140	
XV	Xã Gia Hoà						
1	Đường 5 xã	Giáp đất Liên Sơn	Đê Đầm Cút xã Gia Hoà	450	270	225	
2	Đường Sẻ Chè - Đá Hàn	Cầu đò Đá Hàn	Giáp đất Gia Thanh	350	210	175	
3	Dãy 2 khu vực thôn Đá Hàn			400	240	200	
4	Đường trục xã						
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Vân	Cầu Thượng	450	270	225	
	Đoạn 2	Cầu Thượng	UBND xã Gia Hoà	550	330	275	
	Đoạn 3	UBND xã Gia Hoà	Đường 5 xã	450	270	225	
5	Các tuyến đường phân lũ			400	240	200	
6	Ven đê Đầm Cút			400	240	200	
7	Các vị trí ven đường liên thôn còn lại			350	210	175	
	Nhà lô khu đấu giá, khu nhà vườn			600	360	300	
8	Khu dân cư còn lại			280	168	140	

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
XVI	Xã Gia Hưng						
1	Đê tả sông Hoàng Long	Giáp đất Liên Sơn	K0 đập tràn				
	Đoạn 1 (khu chợ Viễn)	Giáp đất Liên Sơn	Đường Quang Trung	800	480	400	
	Đoạn 2	Ngã 3 đường Quang Trung	K0 đập tràn	350	210	175	
2	Đê Đầm Cút	K0 đập tràn	Giáp đất Liên Sơn	550	330	275	
3	Đường Quang Trung	Giáp đê Hoàng Long	Đê Đầm Cút	550	330	275	
4	Khu Bìa Cột			350	210	175	
5	Đường Rừng Giang	Ngã 3 ao Chấm	Cầu Rừng Giang	350	210	175	
6	Đường Vua Đinh (đi qua UBND xã)	Cổng Nhong Nhóng	Giáp đường Quang Trung	550	330	275	
7	Khu dân cư còn lại			280	168	140	
XVII	Xã Gia Sinh						
1	Đường 19-8	Đường 12C	Ấu Lê				
	Đoạn 1	Đường 12C	Trạm xá xã	1.100	660	550	
	Đoạn 2	Đường vào xóm 4 (sau khu tái định cư)	Ấu Lê	550	330	275	
2	Đường tuyến 8b	Ngã 3 hàng	Trạm bơm Đồng Khám	1.000	600	500	
3	Đường quy hoạch	Đầu đường tuyến 8b	Ngã 4 nhà ông Thông	1.000	600	500	
4	Khu dân cư Ao Hồ			1.000	600	500	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
5	Đường tuyến 6	Đường 12C	Hang Long Ân	700	420	350	
6	Khu Vụng Sơn và Khu dân cư Xuân Trì			1.000	600	500	
7	Đường du lịch cửa Ui	Đường 12C	Cửa Ui	550	330	275	
8	Đường phân lũ chậm lũ	Tuyến 8	Ngã 4 Quai Trại	550	330	275	
9	Vị trí ven đường liên thôn còn lại			550	330	275	
10	Đường phân lô xóm 2	Cổng nhà ông Việt	Núi Lý	550	330	275	
11	Khu dân cư vườn cây xóm 5			550	330	275	
12	Khu dân cư	Nhà văn hóa xóm 7	Xóm 8	550	330	275	
13	Khu dân cư còn lại			330	198	165	
XVIII	Xã Gia Minh						
1	Đường trục xã	Đường ĐT477C	Ngã 4 chợ Gia Minh	350	210	175	
2	Đường đi xã Gia Phong	Cổng Gia Minh	Xóm Đồng Bái (giáp đất Gia Phong)	350	210	175	
3	Đường đi xóm Minh Đường xã Gia Lạc	Đầu xóm An Hoà	Giáp đất thôn Minh Đường	350	210	175	
4	Khu dân cư còn lại			280	168	140	
XIX	Xã Gia Lạc						
1	Đường vào xóm Đông Thắng	Đầu đường ĐT477C	Giáp xóm Đông Thắng	350	210	175	

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
2	Đường vào UBND xã mới	Đầu đường ĐT477C	Nhà ông Vương xóm Nam Ninh	350	210	175	
3	Đường trục thôn Mai Sơn	Đầu đường ĐT477C	Giáp đê Hoàng Long	350	210	175	
4	Tuyến 1 ra đê thôn Lạc Thiện	Đê Hoàng Long	Thôn Lạc Thiện	350	210	175	
5	Tuyến 1 ra đê thôn Lạc Thiện	Đê Hoàng Long	Trạm biến thế thôn Lạc Thiện	350	210	175	
6	Đường Đồng Vài	Cửa nhà ông Tâm	Chợ Lạc Khoái mới	350	210	175	
7	Phía Đông, Nam khu chợ Lạc Khoái mới			350	210	175	
8	Đường vào chùa Hương Khánh	Đầu đường ĐT477C	Hết đất chùa Hương Khánh	350	210	175	
9	Phía Đông đê bắc sông Rịa	Đầu thôn Mai Sơn đi Gia Phong	Hết đất Gia Lạc (Giáp đất Gia Phong)	350	210	175	
10	Đường 477C đi Gia Minh	Ngã 4 đường 477C đi Gia Minh	Hết đất Gia Lạc (giáp đất Gia Minh)	400	240	200	
11	Khu đồng Cổng Ngãi	Giáp khu dân cư Lạc Khoái	Mương tiêu khu đồng Vài	350	210	175	
12	Khu đồng Cổng Ngãi còn lại			350	210	175	
13	Phía trong đê hữu Hoàng Long	Lò gạch Gia Lạc	Đầu đập tràn	400	240	200	
14	Phía trong đê hữu Hoàng Long	Đầu đập tràn	Giáp Âu Lê	350	210	175	
15	Đường Đồng Nang	Ngã tư đi Gia Minh	Giáp đất Gia Phong, Gia Minh	450	270	225	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đoạn	Đoạn đường		Giá đất			Ghi chú
		Từ	Đến	Đất ở	Đất TMDV	Đất SXKD	
16	Khu dân cư Đồng Kênh			280	168	140	
17	Khu tái định cư			280	168	140	
18	Khu dân cư còn lại			280	168	140	
XX	Xã Gia Phong						
1	Đường vào xóm Ngọc Động	Đầu đường ĐT477C	Đầu xóm 2,3 Ngọc Động	350	210	175	
2	Đường vào cánh chợ	Đường sân kho Ngọc Động	Đê Bắc Rịa	350	210	175	
3	Đường lên núi con Mèo	Đầu đường ĐT477c	Núi con Mèo				
	Đoạn 1	Đầu đường ĐT477c	Chùa An Trạch	350	210	175	
	Đoạn 2	Chùa An Trạch	Núi con Mèo	350	210	175	
4	Làn sông Bắc Rịa	Lò gạch ông Nguyễn	Giáp công Gia Lạc 4	350	210	175	
5	Đường liên xã	Ngã tư lê	Chợ Gia Minh	400	240	200	
6	Khu dân cư còn lại			280	168	140	